

Số: 03/2020/QĐST-DSST

H L, ngày 13 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 02/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q T Việt Nam.

Trụ sở chính: Tầng 1 và tầng 2 nhà S, số 111A Pasteur, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V; chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H; chức vụ: Giám đốc Trung tâm quản lý nợ khách hàng cá nhân.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Duy C; chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần QT Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng M, tòa nhà H, số 37 Q, quận H, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1982.

Ông Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1979.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã Ng, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền nợ: Tính đến ngày 05/02/2020 ông Nguyễn Mạnh D và bà Phạm Thị H còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q T Việt Nam tổng số tiền là 1.037.299.790 đồng (*Một tỷ không trăm ba mươi bảy triệu hai trăm chín mươi chín nghìn bảy trăm chín mươi đồng*). Trong đó: Tiền gốc 895.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 40.612.344 đồng, lãi quá hạn 101.687.446 đồng.

Về thời hạn trả nợ: Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Mạnh D và bà Phạm Thị H phải thanh toán toàn bộ số tiền trên bằng một lần cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q T Việt Nam.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận (ngày 06/02/2020) ông D, bà H còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 418CN229-HĐTD/VIB17 ngày 15/4/2017 và hợp đồng tín dụng số 418CN318-HĐTD ngày 20/4/2017 tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi trả nợ xong toàn bộ khoản nợ.

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật và bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q T Việt Nam và các khoản chi phí phát sinh theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 418CN224.2017.BĐ ngày 15/4/2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng Hạc Thành, số công chứng 2795 quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐTD ngày 15/4/2017.

Tài sản thế chấp của ông Nguyễn Mạnh D và bà Phạm Thị H cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q T Việt Nam gồm: Quyền sử dụng 66 m² đất và tài sản là nhà gắn liền với đất tại thửa số 793a, tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính xã Ng, huyện L, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số AE808809, số vào sổ cấp H02961 do UBND huyện L cấp ngày 04/12/2006 cho ông Nguyễn Mạnh D và bà Phạm Thị H.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Mạnh D và bà Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 21.559.496 đồng (*Hai mươi một triệu năm trăm năm chín nghìn bốn trăm chín sáu đồng*).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q T Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 20.391.000 đồng (*Hai mươi triệu ba trăm chín một nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/0007838 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

5. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Ng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Thị Nga